

Số: /QĐ-UBND

Nguyệt An, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Công trình trên đường Trần Nan
từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỆT AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng; số

08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Số 60/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi;

Căn cứ các Quyết định: Số 226/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn quản lý dự án Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi; số 250/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi; số 285/QĐ-UBND ngày 16/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT, tư vấn thẩm tra báo cáo KTKT dự án Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi; số 296/QĐ-UBND ngày 18/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi; số 300/QĐ-UBND ngày 19/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi;

Theo đề nghị của đơn vị QLDA (Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An) tại Tờ trình số 108/TTr-TA ngày 29/03/2026 về việc phê duyệt dự án: Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi (Kèm theo thông báo thẩm định số 97/TĐ-KT ngày 30/3/2026 của phòng Kinh tế).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Xã Nguyệt Ấn, tỉnh Thanh Hóa.
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND xã Nguyệt Ấn.

4. Chủ đầu tư: UBND xã Nguyệt Ấn.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Đông Sơn.

6. Tổ chức tư vấn thẩm tra lập báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần xây dựng Đa Hà

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

8. Mục tiêu dự án: Khắc phục thiệt hại do lũ lụt gây ra, đảm bảo giao thông được thông suốt và an toàn cho người và các phương tiện đi lại trên tuyến đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa, giảm thiểu khó khăn cho Nhân dân thôn đằm Vân Giang, Thôn Giỏi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội xã Nguyệt Ấn.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

* Công trình giao thông cấp IV, Nhóm C.

Hoàn trả đường tràn bằng BTXM M300 chiều rộng $B=7.0m$ vượt nổi từ mặt tràn về đường hiện trạng. Hoàn trả tràn liên hợp cống bản $B=5.4m$, tiêu chuẩn tải trọng H30-XB80; Dựa trên cơ sở áp dụng định hình của Viện Giao thông vận tải.

Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN4054-2005, được thể hiện qua bảng sau:

- Bề rộng đường tràn $B=2 \times 3.5m=7.0m$.

- Tải trọng thiết kế cống bản $B=5.4m$ có chiều dài $L=6.0m$: H30-XB80

- Tần suất lũ thiết kế: $P=10\%$ (TVTK đang hoàn trả dựa trên cao độ mặt tràn cũ và khẩu độ thoát nước hiện trạng).

- Hoàn trả toàn bộ phạm vi đường tràn và phạm vi vượt nổi đường hiện trạng bằng BTXM M300 dày 22cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Mái taluy đường tràn gia cố bằng BTXM M150 dày 15cm trên lớp nilong chống mất nước kết hợp chân khay bằng BTXM M150 có lót đá dăm đệm.

Phần trên:

- Dầm bản được thiết kế bằng BTCT M300, các dầm bản được đúc tại chỗ.

Dầm bản và bản giảm tải được liên kết với tường thân thông qua cốt thép chèn.

- Lớp phủ mặt đường (phạm vi cống bản $B=5.4m$) bằng BTCT M300 có bề dày từ 10cm.

Phần dưới:

- Xà mũ dùng BTCT M250 đá 1x2. Móng, thân cống bằng BTXM đá 2x4.

Thanh chống đỡ tại chỗ bằng BTCT M250 đá 1x2.

- Lòng cống được gia cố bằng BTXM M150 dày 20cm, trên 10cm cát sỏi đệm. Lớp phủ lòng cầu dày 5cm bằng BTXM mác M200.

- Dùng bản dẫn bằng BTCT M250 đá 1x2, đổ tại chỗ.

- Đắp đất mang công sau khi đã lấp xong đầm bản chiều cao đắp đất ở 2 bên mang công không được chênh nhau quá 0.5m. Loại đất đắp là đất cát hoặc đất thoát nước tốt.

- Tường thân công và tường cánh thượng hạ lưu phải quét một lớp nhựa đường nóng.

- Bô sung 19 ụ tiêu bằng BTXM M200 đảm bảo an toàn cho các phương tiện qua Trần Nan.

- Bô sung 2 biển báo tên tràn (I.439).

(Có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: Thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng đường ô tô 22 TCN 223:95;

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018;

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

- Tiêu chuẩn màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887:2008;

- Công tròn bê tông cốt thép được thiết kế theo định hình thiết kế 78-02X;533-01-01; 533-01-02;

- Kết cấu thép tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 338:2005;

- Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật khác có liên quan.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 1.299.847.687 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng), trong đó:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Giá trị
1	Chi phí xây dựng	1.150.740.243

2	Chi phí quản lý dự án	30.820.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	110.378.312
4	Chi phí khác	7.909.132
5	Chi phí dự phòng	0
Tổng cộng		1.299.847.687

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ; nguồn tỉnh Gia Lai, tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ và nguồn dự phòng ngân sách tỉnh hàng năm tại Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đơn vị Quản lý dự án (Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An), Đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT (Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Đông Sơn), Đơn vị tư vấn thẩm tra lập báo cáo KTKT (Công ty cổ phần xây dựng Đa Hà) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về trình tự, thủ tục, tính chính xác, phù hợp của nội dung đề nghị phê duyệt dự án.

Giao chủ đầu tư, đơn vị Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, thẩm quyền thực hiện các bước tiếp theo, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế; Chủ đầu tư, Giám đốc công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng & TM Tài An, Phòng giao dịch số 9 - KBNN khu vực số XI và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND xã (đề b/c);
- Trang TT điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Đình Thường

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**Dự án: Công trình trên đường Trần Nan từ Đầm Vân Giang đi thôn Giỏi.***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyệt Án)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư							Ggpm
2	Chi phí xây dựng				1.056.310.390	94.429.853	1.150.740.243	Gxd
2.1	Chi phí xây dựng công trình chính				1.056.310.390	94.429.853	1.150.740.243	
2.1.1	ĐƯỜNG TRẦN NAN		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.056.310.390	94.429.853	1.150.740.243	
3	Chi phí quản lý dự án			<i>Theo QĐ số 250/QĐ-UBND ngày 09/03/2026</i>	28.537.037	2.282.963	30.820.000	Gqlda
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				102.202.141	8.176.172	110.378.312	Gtv
4.1	Chi phí khảo sát địa hình, Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật			<i>Theo QĐ số 296/QĐ-UBND ngày 18/03/2026</i>	64.259.259	5.140.741	69.400.000	
4.2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật			<i>Theo QĐ số 300/QĐ-UBND ngày 19/03/2026</i>	4.109.259	328.741	4.438.000	
4.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	33.833.622	2.706.690	36.540.312	
5	Chi phí khác				7.909.132		7.909.132	Gk
5.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
5.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0,57%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	7.409.132		7.409.132	
	Tổng cộng				1.194.958.700	104.888.988	1.299.847.687	Gxdct
Bảng chữ: Một tỉ, hai trăm chín mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng./.								